

Kinh nghiệm của các nước châu Á về quản lý vấn đề xã hội và hàm ý chính sách đối với các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

Trần Quốc Vinh^(*)

Lương Tình^(**)

Tóm tắt: Quản lý vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội là một trong những nhiệm vụ quan trọng của chính quyền nói chung, tại các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nói riêng. Tổng quan kinh nghiệm quản lý vấn đề xã hội ở các địa phương ven biển trên thế giới cho thấy, quản lý vấn đề xã hội ở khu vực ven biển cần kết hợp chặt chẽ với quản lý kinh tế, xã hội, môi trường, an ninh quốc phòng; cần vận động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội. Bên cạnh đó, để thu hút sự ủng hộ rộng rãi của người dân, cần làm tốt công tác tuyên truyền, thực thi và giám sát các chính sách an sinh xã hội. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất một số hàm ý nhằm nâng cao công tác quản lý vấn đề xã hội đối với các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

Từ khóa: Kinh nghiệm, Châu Á, Quản lý vấn đề xã hội, Vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ

Abstract: Managing social issues arising in the process of socio-economic development is one of the fundamental tasks of the central and coastal local governments in the North Central and Central Coast regions. Experience in managing social issues in coastal localities worldwide indicates that managing social issues therein needs to be closely combined with economic, social, environmental management, national security and defence, and it's necessary to encourage the participation of people, businesses, and socio-political organizations. In addition, to attract widespread support from the people, it is essential to effectively propagandize, enforce and monitor social security policies. Based on that analysis, the paper proposes some implications to improve the management of social issues for coastal localities in the North Central and Central Coast regions.

Keywords: Experience, Asian, Management of Social Issues, North Central and Central Coast

Ngày nhận bài: 12/5/2025; Ngày duyệt đăng: 10/7/2025

^(*) TS., Xã An Lương, tỉnh Gia Lai.

^(**) TS., Viện Khoa học xã hội Vùng Trung Bộ và Tây Nguyên, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: luongtinhoian@gmail.com

1. Mở đầu

Đối với mỗi quốc gia hay cộng đồng dân tộc, quản lý các vấn đề về dân sinh, con người trong các mối quan hệ tương hỗ được thể hiện trên các bình diện, lĩnh vực khác nhau như kinh tế, văn hóa, xã hội, chính trị, quốc phòng... Có thể thấy rõ, cùng với việc hình thành chế định, thực thi hệ thống chính sách xã hội thì quản lý các vấn đề xã hội là một trong những nội dung quan trọng. Đây là quá trình nhà nước sử dụng các công cụ quản lý trong phạm vi quyền lực của mình để tác động có tổ chức và điều chỉnh các quan hệ nảy sinh trong các vấn đề xã hội, nhằm đảm bảo thúc đẩy sự tăng trưởng, công bằng xã hội và phát triển xã hội. Xuất phát từ lý luận và thực tiễn phát triển của đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn xác định quản lý các vấn đề xã hội nảy sinh là nhiệm vụ vừa mang tính trước mắt, vừa mang tính lâu dài, đồng thời đảm bảo ổn định xã hội, tạo điều kiện cho nhiệm vụ phát triển kinh tế cũng như tạo gia tốc để phát triển nhanh và bền vững.

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 của Bộ Chính trị đã xác định rõ: “Đến năm 2030, Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ là vùng phát triển năng động, nhanh và bền vững, mạnh về kinh tế biển; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, có khả năng chống chịu cao với thiên tai, dịch bệnh và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu; có một số trung tâm công nghiệp, dịch vụ, hợp tác quốc tế lớn của cả nước với các khu kinh tế ven biển và hệ thống đô thị ven biển đạt chuẩn quốc gia và khu vực...”. Tuy vậy, Nghị quyết số 26-NQ/TW cũng chỉ ra: “Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ vẫn là vùng có chỉ số phát triển ở nhiều lĩnh vực thấp hơn mức trung bình cả nước. Tiềm năng, lợi thế của vùng, nhất là kinh tế biển, chưa được

khai thác hợp lý và phát huy hiệu quả. Quy mô kinh tế vùng còn nhỏ, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân đầu người thấp... Văn hóa - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Một số chỉ tiêu về giáo dục và đào tạo chưa đạt mục tiêu đặt ra. Thị trường lao động chậm phát triển, thiếu linh hoạt, tỷ lệ thiếu việc làm còn cao; chất lượng lao động và việc làm còn thấp. Tỷ lệ hộ nghèo còn cao, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ giảm nghèo chưa đạt mục tiêu đặt ra...” (Bộ Chính trị, 2022).

Trong bối cảnh của các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ (thời điểm trước khi sáp nhập các tỉnh, thành theo Nghị quyết số 60-NQ/TW¹) thì quản lý nhà nước về các vấn đề xã hội nảy sinh ở cấp địa phương có nét riêng, do phân cấp trong hệ thống bộ máy quản lý nhà nước, do đặc thù của chủ thể, đối tượng và môi trường kinh tế - xã hội của từng địa phương. Bài viết nghiên cứu kinh nghiệm thực tiễn ở các địa phương ven biển trên thế giới, từ đó rút ra bài học trong quá trình quản lý các vấn đề xã hội của các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ.

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới

2.1. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Quản lý các vấn đề xã hội vùng ven biển thường phải ứng phó với các thách thức cơ bản như xung đột phát sinh từ việc sử dụng nguồn tài nguyên biển và ven biển, chồng chéo trách nhiệm và cạnh tranh phân bổ ngân sách giữa một số cơ quan liên quan, thiếu định hướng chính sách rõ ràng,

¹ Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-60-NQ-TW-2025-Hoi-nghi-lan-thu-11-Ban-chap-hanh-Trung-uong-Dang-khoa-XIII-651377.aspx>

thiếu ý chí chính trị và thiếu năng lực thực hiện. Một trong những bước quan trọng để quản lý các vấn đề xã hội vùng ven biển một cách hiệu quả là đảm bảo thiết lập và vận hành cơ chế điều phối liên ngành. Cơ chế điều phối liên ngành là sự sắp xếp thể chế thiết yếu dưới hình thức ủy ban hoặc hội đồng, đóng vai trò là động lực chính trong việc thúc đẩy cam kết mạnh mẽ của chính phủ về nguồn nhân lực và tài chính, đồng thời thúc đẩy hợp tác liên ngành và sự tham gia của các bên liên quan.

Ví dụ, thành phố Đông Dinh (tỉnh Sơn Đông) đã thành lập Ủy ban Điều phối liên ngành về quản lý tổng thể vùng ven biển vào năm 2010, bao gồm 16 cơ quan về: nông nghiệp, bảo vệ môi trường, tài chính, lâm nghiệp, tài nguyên đất đai, quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, quản lý cảng và tàu thủy, du lịch, giao thông vận tải, quy hoạch đô thị và nông thôn,... Phó Thị trưởng thành phố Đông Dinh giữ chức Chủ tịch Ủy ban Quản lý tổng thể vùng ven biển, giám đốc hoặc phó giám đốc của các cơ quan liên quan là thành viên, do đó đảm bảo được các cơ quan liên quan này có thể đưa ra quyết định quản lý và quyết định chính sách cấp cao trong điều phối, chỉ đạo, hỗ trợ, xem xét lập kế hoạch và thực hiện các giai đoạn khác nhau của công tác quản lý tổng thể vùng ven biển. Ủy ban cũng đóng vai trò là diễn đàn tham vấn, trong đó các cơ quan liên quan bày tỏ quan điểm, nhu cầu, khiếu nại và khuyến nghị liên quan đến các vấn đề biển và ven biển. Văn phòng quản lý tổng thể vùng ven biển thực thi các quyết định của Ủy ban Quản lý tổng thể vùng ven biển. Tiểu ban điều hành cũng được thành lập để cung cấp hướng dẫn triển khai cho Văn phòng cùng với Nhóm chuyên gia tư vấn kỹ thuật. Tiểu ban điều hành do Cục Thủy sản và đại

dương chủ trì, có trách nhiệm hướng dẫn và chỉ đạo thực hiện quản lý tổng thể vùng ven biển, trong khi Nhóm chuyên gia (bao gồm các chuyên gia cao cấp thuộc nhiều ngành, lĩnh vực, đã được lựa chọn) luôn sẵn sàng tư vấn khoa học cho việc phát triển các biện pháp quản lý. Ủy ban Quản lý tổng thể vùng ven biển tổ chức các cuộc họp định kỳ cùng thảo luận và quyết định đường hướng và sứ mệnh chung, xây dựng chiến lược và kế hoạch hành động cũng như chính sách và ngân sách. Ủy ban cũng giải quyết các vấn đề phát sinh của các cơ quan thành viên. Khi cần một cuộc họp đặc biệt, Tiểu ban điều hành sẽ yêu cầu chính quyền thành phố tổ chức một cuộc họp Ủy ban Quản lý tổng thể vùng ven biển (Wu và cộng sự, 2012). Cơ chế điều phối như vậy được kỳ vọng sẽ loại bỏ hoặc giảm bớt sự chồng chéo giữa các cơ quan, ngành một cách hiệu quả, giảm thiểu việc sử dụng các nguồn tài chính kém hiệu quả và thúc đẩy hợp tác liên ngành.

Bên cạnh thiết lập cơ chế liên ngành, việc nâng cao năng lực của cán bộ quản lý địa phương cũng góp phần nâng cao hiệu quả thực thi công tác quản lý các vấn đề xã hội vùng ven biển.

Ví dụ, để nâng cao năng lực của cán bộ địa phương nhằm hỗ trợ quản lý tổng thể vùng ven biển hiệu quả, năm 1997, chính quyền thành phố Hạ Môn (tỉnh Phúc Kiến) cùng với Đại học Hạ Môn thành lập Trung tâm Đào tạo phát triển bền vững vùng ven biển. Chính quyền Hạ Môn cung cấp, hỗ trợ về chính sách và tài chính. Là một trung tâm đào tạo và giảng dạy chính thức được chỉ định, Trung tâm Đào tạo phát triển bền vững vùng ven biển tổ chức các khóa đào tạo hằng năm cho cán bộ chính quyền Hạ Môn, với nhiều chủ đề khác nhau như luật biển, quản lý tổng thể vùng ven biển, bảo

vệ môi trường biển và phát triển bền vững. Cho đến năm 2017, Trung tâm đã tạo dựng được khoảng 40 chương trình đào tạo khác nhau, bao gồm các sự kiện đào tạo cấp quốc gia và khu vực cũng như các chuyến tham quan học tập. Ngoài ra, “vừa học vừa làm” với sự hướng dẫn của các đồng nghiệp, lãnh đạo giàu kinh nghiệm là những cách quan trọng khác để các cán bộ mới có thể phát triển kỹ năng quản lý (Fang và cộng sự, 2011).

Để chuyển đổi các ý tưởng quản lý và điều chỉnh hành vi của cả người dân và các bên liên quan, chính quyền Trung Quốc đã ban hành luật và chính sách bao trùm hầu hết các vấn đề xã hội. Tuy nhiên, để đảm bảo đạt được các mục tiêu quản lý, chính quyền địa phương không chỉ cần tổ chức thực thi hiệu quả các chính sách và luật này, mà còn cần giám sát để đảm bảo việc tuân thủ các quy định, đồng thời phát hiện các vấn đề mới nảy sinh trong quá trình áp dụng, từ đó có sự điều chỉnh kịp thời.

Ví dụ, với việc ứng dụng rộng rãi công nghệ viễn thám, hệ thống giám sát đã được áp dụng rộng rãi ở thành phố Hạ Môn và trở thành hệ thống hỗ trợ kỹ thuật cốt lõi cho quản lý vùng ven biển. Hệ thống này có sự kết hợp của một số công nghệ tiên tiến, bao gồm viễn thám vệ tinh, viễn thám trên không, giám sát từ xa và giám sát hiện trường để tăng cường giám sát hiệu quả các vùng biển. Với hệ thống giám sát này, các hoạt động như lấn chiếm đất ven biển trái phép có thể bị phát hiện ngay. Ngoài ra, chính quyền thành phố Hạ Môn và Đại học Hạ Môn đã cùng phát triển Hệ thống giám sát môi trường biển Vịnh Hạ Môn vào năm 2015, từ đó việc giám sát các điều kiện môi trường của vùng nước ven biển Hạ Môn đã được thực hiện tự động (Fang và cộng sự, 2011).

2.2. Kinh nghiệm của Thái Lan

Sự tham gia của người dân và các tổ chức chính trị - xã hội tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi hai chiều về lợi ích và mối quan tâm giữa chính quyền và cộng đồng, dẫn đến việc xác định các vấn đề và ưu tiên quan trọng đối với cộng đồng nói chung, các thành viên cộng đồng có hoàn cảnh khó khăn nói riêng.

Ở tỉnh Chonburi, trong các hiệp hội ngư dân bảo tồn cua biển, phụ nữ được tuyển dụng để phân loại và tái chế rác thải, trong khi thanh niên được tập huấn trở thành tình nguyện viên phục hồi rừng ngập mặn, phân loại và tái chế rác thải, giám sát chất lượng nước và hướng dẫn du lịch sinh thái. Để tăng cường hỗ trợ cho công tác quản lý các vấn đề xã hội khu vực ven biển, đòi hỏi tất cả các bên liên quan phải hiểu và nhận thức được lợi ích cũng như vai trò của chính họ. Khi được nâng cao nhận thức, họ có thể đưa ra những lựa chọn và hành động sáng suốt. Sự hiểu biết của người dân là hết sức quan trọng đối với công tác quản lý các vấn đề xã hội khu vực ven biển, bởi họ có thể thúc đẩy việc thực hiện các dự án hoặc chương trình được cho là có lợi cho cộng đồng, ngược lại họ cũng có thể ngăn chặn các dự án nếu được cho là có hại (Barnette và cộng sự, 2018).

Truyền thông là một trong những hoạt động quan trọng cung cấp thông tin cho người dân trong suốt quá trình quản lý các vấn đề xã hội khu vực ven biển với kết quả cuối cùng là thu hút sự ủng hộ rộng rãi của người dân đối với công tác quản lý các vấn đề xã hội và quan trọng hơn là thay đổi cách thức người dân suy nghĩ, thực hiện hành vi đối với một vấn đề cụ thể. Các địa phương ven biển trên thế giới đã sử dụng đa dạng các biện pháp truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cho cộng đồng về ô nhiễm môi

trường như: Phát tờ rơi, áp phích, tài liệu quảng cáo và bản tin; Tổ chức các chuyến đi thực địa, tham quan học tập; Tổ chức các lễ hội, cuộc thi nghệ thuật về môi trường; Lồng ghép các chủ đề liên quan đến môi trường vào các hoạt động của trường học; Tiến hành các cuộc phỏng vấn và trò chuyện; Tổ chức các chương trình phát thanh, truyền hình và nhiều chương trình khác (Barnette và cộng sự, 2018).

Ở tỉnh Chonburi, các hoạt động thu hút giới trẻ tham gia vào các dự án bảo tồn tài nguyên thiên nhiên đã được thực hiện thông qua các chuyến đi thực địa mang tính giáo dục, điển hình như trồng rừng ngập mặn, trồng cỏ biển cho học sinh. Từ những chuyến đi đó, các em học sinh sẽ chia sẻ kinh nghiệm của mình với cộng đồng địa phương, từ đó lan tỏa hoạt động bảo tồn tài nguyên thiên nhiên. Việc này thể hiện sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và chính quyền. Ngoài ra, dự án này cũng truyền cảm hứng cho sự tham gia và hợp tác của các trường đại học với các địa phương để hỗ trợ kỹ thuật (Barnette và cộng sự, 2018).

2.3. Kinh nghiệm của Indonesia

Với tư cách là người sinh sống trực tiếp tại địa phương, người dân và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò quan trọng trong việc phát triển và thực hiện các chương trình liên quan đến quản lý các vấn đề xã hội khu vực ven biển, bởi hơn ai hết họ là những người hiểu rõ về các điều kiện tự nhiên và vấn đề của địa phương.

Ở tỉnh Bali, một nhóm ngư dân khai thác san hô đã tham gia vào chương trình bảo tồn và phục hồi san hô. Chính quyền tại địa phương và chính quyền cấp tỉnh, các trường đại học, các tổ chức phi chính phủ và các chương trình tài trợ đã hỗ trợ đào tạo, tập huấn cho ngư dân nhằm nâng cao nhận

thức, thay đổi hành vi của họ, hướng đến phát triển bền vững. Từ những người khai thác san hô, ngư dân đã trở thành những người bảo tồn rạn san hô trong khu vực của mình. Người dân địa phương đã hợp tác với các công ty du lịch tư nhân thực hiện các chương trình du lịch sinh thái, cung cấp cho khách du lịch những trải nghiệm thực tế như bảo tồn san hô, thả rùa biển về môi trường tự nhiên của chúng (Boakes và cộng sự, 2022).

Như vậy, có thể thấy việc thu hút người dân và các tổ chức chính trị - xã hội vào các chương trình liên quan đến công tác quản lý các vấn đề xã hội mang lại nhiều lợi ích. Một mặt, sự tham gia của người dân và các tổ chức chính trị - xã hội đảm bảo mối quan tâm và lợi ích thực sự của họ được chú ý, được duy trì trong quá trình lập kế hoạch, chiến lược và chuẩn bị các biện pháp can thiệp. Đồng thời, nó cho phép chính quyền địa phương hiểu rõ hơn các vấn đề và nhu cầu của cộng đồng để có các biện pháp can thiệp tốt hơn. Mặt khác, sự tham gia này làm tăng khả năng tiếp cận kiến thức, nguồn lực hoặc kỹ năng của người dân và các tổ chức chính trị - xã hội, phục vụ công tác quản lý.

3. Một số hàm ý chính sách nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý các vấn đề xã hội đối với các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

Thứ nhất, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển vùng và phát triển các lĩnh vực cụ thể

Với tính chất đặc thù của mình, các tỉnh ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ cần quán triệt thực hiện tốt các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước Việt Nam như: các Chương

trình mục tiêu quốc gia (*Giảm nghèo bền vững, Nông thôn mới, Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*); Chiến lược phát triển kinh tế biển, cụ thể là *Nghị quyết số 36-NQ/TW* ngày 22/10/2018 của *Hội nghị Trung ương 8 khóa XII về phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*; Các đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cụ thể là *Quyết định số 1956/QĐ-TTg* ngày 27/11/2009 của *Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020* và *Quyết định số 3685/QĐ-BNN-KTHT* ngày 29/9/2022 của *Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn giai đoạn 2022-2025*. Chính quyền các tỉnh ven biển miền Trung cần linh hoạt, năng động và sáng tạo trong thực thi các chính sách liên quan gắn với tình hình thực tiễn của địa phương, hướng đến khai thác tiềm năng, phát triển bền vững kinh tế biển, hình thành văn hóa sinh thái biển, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; giải quyết tốt các vấn đề về ô nhiễm môi trường, nhất là môi trường biển, hệ sinh thái biển, đảm bảo sinh kế cho cư dân, củng cố và nâng cao chất lượng đời sống cho người dân trong khu vực.

Thứ hai, phối hợp giữa chính quyền địa phương, tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các cá nhân trong giải quyết các vấn đề xã hội ở các tỉnh ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

Vấn đề xã hội có tính chất và đặc trưng nhất định của nó, trong đó tính phổ biến, tính phức tạp, tính liên tục, tính lịch sử và tính biến dị là các tính chất đặc thù (Xem: Phạm Đi, 2018: 16-32). Với bất cứ một vấn đề xã hội nào, quá trình phát sinh, tồn tại và

phát triển của nó đều được cấu thành bởi nhiều nhân tố khác nhau, đan xen nhau, tác động tương hỗ nhau một cách phức hợp, đa chiều. Các vấn đề đều có nguyên nhân lịch sử, nguyên nhân thực tiễn, nguyên nhân từ thể chế, nguyên nhân từ cá nhân, nguyên nhân từ cộng đồng, nguyên nhân từ sự mất cân đối trong vận hành xã hội... Hơn thế nữa, thực tiễn cho thấy, các nguyên nhân (bao gồm cả nguyên nhân trực tiếp, nguyên nhân gián tiếp; nguyên nhân chủ yếu, nguyên nhân thứ yếu; nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan...) hình thành nên các vấn đề xã hội là đa biến và khó nắm bắt, khó nhận thức; nhiều nguyên nhân (nhóm nguyên nhân) đan xen nhau, tác động tương hỗ nhau. Mỗi tác động cụ thể của một nguyên nhân nào đó đối với vấn đề xã hội cũng không dễ nhận thức một cách đúng đắn, rạch ròi, đặc biệt là những nguyên nhân gián tiếp, nguyên nhân lịch sử - xã hội và những nhân tố “ẩn”. Ví dụ, nguyên nhân hình thành vấn đề đói nghèo có những nhân tố mang tính lịch sử - xã hội, có cả nguyên nhân từ thể chế, chính sách. Nghĩa là có nguyên nhân từ môi trường tự nhiên, lại có cả những nhân tố từ phía cá nhân, gia đình, cộng đồng, nhà nước. Các nhân tố đó không “đứng một mình hay riêng lẻ”, mà tác động tương hỗ nhau, đan xen nhau, thậm chí chuyển hóa lẫn nhau với tư cách là “biến độc lập” và “biến phụ thuộc”.

Chính vì lẽ đó, khi giải quyết các vấn đề xã hội, cần có sự tham gia và phối hợp giữa các chủ thể như chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội, cá nhân và cộng đồng mới có thể mang lại hiệu quả bền vững. Đối với các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, các vấn đề xã hội như đói nghèo, lao động việc làm, tội phạm, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí

hậu và nước biển dâng, phòng chống tham nhũng... đều cần huy động được tất cả các nguồn lực, các chủ thể tham gia. Sự tham gia này phải được “thể chế hóa vai trò” và “cộng đồng hóa trách nhiệm” cho từng chủ thể nhằm phát huy tinh thần dân chủ và sự đóng góp của cá nhân, cộng đồng, nhóm xã hội theo định hướng chung của chính quyền địa phương.

Thứ ba, tích hợp các chính sách xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội ở các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 147-148). Hệ thống chính sách xã hội đang hướng đến bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, bảo đảm hài hòa các lợi ích, với mục đích tối thượng là vì con người, vì nhân dân. Các chính sách xã hội như chính sách việc làm, chính sách giáo dục - đào tạo, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách chăm sóc sức khỏe nhân dân, chính sách dân số, chính sách giảm nghèo... xét về bản chất là hướng đến giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh để phòng ngừa rủi ro, giảm thiểu rủi ro cho cộng đồng. Do đó, các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ cần phải tạo được sự thống nhất, đồng bộ giữa thực thi các chính sách kinh tế và hệ thống chính sách xã hội, giữa phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội phát sinh. Chẳng hạn, giải quyết vấn đề đói nghèo cần phải căn cứ và lồng ghép vào các chính sách giảm nghèo của chính quyền Trung ương và địa phương; giải quyết vấn đề dân số cần phải bám sát các chủ trương, chính sách về dân số hiện

hành; giải quyết vấn đề tội phạm không thể không nắm và vận dụng các chính sách về phòng chống tội phạm.

Thứ tư, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý các vấn đề xã hội ở các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ

Bám sát quan điểm “đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển nền kinh tế số, xã hội số” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2021: 37), trong thực hiện quản lý xã hội nói chung, giải quyết các vấn đề xã hội nói riêng, các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ cần quán triệt tinh thần chuyển đổi số một cách mạnh mẽ, hướng đến quản trị xã hội một cách khoa học, hệ thống, hiệu quả.

Cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số để thay đổi cách thức giải quyết các vấn đề xã hội tại địa phương. Chuyển đổi số có thể hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội như bất bình đẳng, nghèo đói, ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự thông qua việc thu thập và phân tích dữ liệu, đưa ra các giải pháp phù hợp. Chuyển đổi số giúp tối ưu hóa các quy trình quản lý, giảm thiểu thủ tục hành chính, tăng tính minh bạch và công khai. Chuyển đổi số còn tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình quản lý xã hội thông qua các kênh trực tuyến, diễn đàn, mạng xã hội, từ đó thúc đẩy dân chủ và sự đồng thuận xã hội. Tư duy số giúp nhà lãnh đạo có cái nhìn chính xác, thực tiễn, bao quát hơn các vấn đề xã hội để đưa ra các quyết định nhanh chóng, quyết liệt, cụ thể hơn đối với từng vấn đề xã hội cụ thể.

4. Kết luận

Việc giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã

hội đang là tâm điểm trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia, trong đó có Việt Nam nói chung, các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ nói riêng. Thực tiễn quản lý các vấn đề xã hội vùng ven biển của một số quốc gia trên thế giới là bài học kinh nghiệm quan trọng đối với chính quyền các địa phương ven biển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ trong thời gian tới. Để nâng cao công tác quản lý nhà nước về các vấn đề xã hội này, một mặt các địa phương ven biển cần đổi mới và nâng cao chất lượng thể chế một cách đồng bộ, mặt khác cần có sự phối hợp giữa chính quyền, tổ chức xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các cá nhân, đồng thời tích hợp các chính sách xã hội và thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý các vấn đề xã hội □

Tài liệu tham khảo

1. Barnette, P. & Wiwekwin, N. (2018), *Integrated coastal management implementation and scaling up in Chonburi province, Thailand*, Local contributions to global sustainable agenda: Case studies in integrated coastal management in the East Asian seas region, 469-482.
2. Boakes, Z., Hall, A. E., Ampou, E. E., Jones, G. C., Suryaputra, I. G. N. A., Mahyuni, L. P., Prasertijo, R. & Stafford, R. (2022), "Coral reef conservation in Bali in light of international best practice, a literature review", *Journal for Nature Conservation*, 67, 126190.
3. Bộ Chính trị (2022), *Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 03/11/2022 "Về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"*, <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngghi-quyet-so-26-nqtw-ngay-03112022-cua-bo-chinh-tri-ve-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-va-bao-dam-quoc-phong-an-ninh-9004>
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
6. Phạm Đi (2018), *Vấn đề xã hội - lý thuyết và vận dụng*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
7. Erni, M. (2013), *Building on a solid foundation: Perspectives on building a regional mechanism for coastal and ocean governance in the seas of East Asia*, Partnerships in Environmental Management for the Seas of East Asia, Quezon City, Philippines, 124-131.
8. Fang, Q., Zhang, R., Zhang, L. & Hong, H. (2011), "Marine functional zoning in China: experience and prospects", *Coastal Management*, 39 (6), 656-667.
9. Rafael, B., S. Nay, P. (2010), "Beyond survival: Engaging communities on coastal and marine management in Stung Hav, Preah Sihanouk, Cambodia", *PEMSEA Case Study*, Volume 1, No. 5 (June).
10. Wu, X. Q., Gao, M., Wang, D., Wang, Y., Lu, Q. S. & Zhang, Z. D. (2012), "Framework and practice of integrated coastal zone management in Shandong Province, China", *Ocean & Coastal Management*, 69, 58-67.